

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4310** /UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày **18** tháng 7 năm 2017

V/v điều chỉnh, giao kế  
hoạch vốn đầu tư (đợt 2)  
và phân khai kinh phí sự  
nghiệp để thực hiện Chương  
trình MTQG giảm nghèo  
bền vững năm 2017

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số:..... <b>6166</b> .....
ĐẾN	Ngày: <b>19/7/17</b>
	Chuyên:.....

Thực hiện Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn ĐBK, xã biên giới, xã ATK và diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 556/QĐ-BKHĐT ngày 19/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giao dự toán chi tiết ngân sách trung ương thực hiện các chương trình MTQG năm 2017; Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Chương trình 135; Công văn số 471/UBND-135 ngày 29/5/2017 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn phân bổ vốn thực hiện chương trình 135 năm 2017; Công văn số 4051/LĐTBOXH-KTTC ngày 14/10/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2017 và trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1065/SKHĐT-VX ngày 11/7/2017 và Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1932/STC-NS ngày 13/7/2017, UBND tỉnh dự kiến điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư của Chương trình MTQG giảm nghèo tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 05/4/2017, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển đợt 2 và phân khai kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình 135 năm 2017, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017 đã giao tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh (*Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm*). Trong đó:

Tổng kế hoạch vốn đã giao là 221.612 triệu đồng, điều chỉnh giảm 4.000 triệu đồng; tổng kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh là 217.612 triệu đồng (theo Quyết định số 556/QĐ-BKHĐT ngày 19/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư), cụ thể:

- Dự án 1: Chương trình 30a kế hoạch vốn đã giao là 157.600 triệu đồng, điều chỉnh giảm 4.788 triệu đồng, còn lại tổng kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh là 152.812 triệu đồng (Điều chỉnh kế hoạch vốn Tiểu dự án 1 giảm 4.788 triệu đồng).

- Dự án 2: Chương trình 135 kế hoạch vốn dự kiến giao là 64.012 triệu đồng (đã giao đợt 1 là 50.052 triệu đồng), điều chỉnh tăng 788 triệu đồng; tổng kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh là 64.800 triệu đồng.

Trong đó, điều chỉnh kế hoạch vốn đã giao đợt 1 là 50.052 triệu đồng, tăng 1.154 triệu đồng; kế hoạch vốn đã giao đợt 1 sau khi điều chỉnh là 51.206 triệu đồng (điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đã giao do lỗi tổng hợp; qui mô và danh mục công trình đã giao không thay đổi tại Quyết định 256/QĐ-UBND ngày 5/4/2017 của UBND tỉnh).

2. Giao kế hoạch vốn Chương trình 135 năm 2017 (đợt 2) với tổng kế hoạch vốn giao là 13.594 triệu đồng (*Chi tiết theo phụ lục 2a, 2b, 2c đính kèm*).

3. Về phân bổ kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình 135 năm 2017, cụ thể:

a) Tiểu dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng là 3.928 triệu đồng. Thực hiện theo định mức phân bổ tại Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh. UBND tỉnh giao phần vốn này cho UBND các huyện có xã ĐBK, xã An toàn khu thực hiện Chương trình 135 theo hệ số K. Trên cơ sở đó, UBND các huyện chỉ đạo lập kế hoạch, danh mục công trình cần duy tu bảo dưỡng để thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Chương trình 135.

b) Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo là 16.828 triệu đồng, phân bổ theo các mục đích sử dụng như sau:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế 16.228 triệu đồng, phân bổ cho các thôn ĐBK với định mức là 50 triệu đồng/thôn và phân bổ cho các xã ĐBK, xã ATK theo hệ số K quy định tại Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08/6/2017.

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo 600 triệu đồng: Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tổ chức thực hiện các hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo.

c) Tiểu dự án 3 - Đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã ĐBK, xã ATK, các thôn, bản ĐBK là 1.592 triệu đồng. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Thông tư số 01/2017/TT-UBND của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, giao cho Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, tổ chức thực hiện nội dung này.

*(Chi tiết theo phụ lục số 3, 4 kèm theo).*

Kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến đối với việc phân bổ kế hoạch vốn nêu trên để có cơ sở triển khai./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: C, PCVP(KT), P.TH, CBTH;
- Lưu VT, P.KTviết362.



**Phạm Trường Thọ**

Phụ lục 1

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2017 TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ: 256/QĐ-UBND NGÀY 5/4/2017 CỦA UBND TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Công văn số 43/UBND-ĐT-KT ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Tổng kế hoạch vốn đã giao năm 2016	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2017 theo Quyết định số: 2309/QĐ-TTg ngày 29/11/2016 đã giao tại Quyết định số: 256/QĐ-UBND ngày 5/4/2017 của UBND tỉnh		Kế hoạch vốn điều chỉnh Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 5/4/2017 của UBND tỉnh theo Quyết định số 556/QĐ-BKHĐT ngày 19/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tăng (+) Giảm (-)		Ghi chú
			3	4	5	6			
1	2	5	3	4	5	6			
	<b>Tổng</b>	<b>225.902</b>	<b>221.612</b>	<b>217.612</b>	<b>-4.000</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Chương trình 30a</b>	<b>161.102</b>	<b>157.600</b>	<b>152.812</b>	<b>-4.788</b>				
I.1	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo	142.202	138.600	133.812	-4.788				
I.2	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	18.900	19.000	19.000	0				
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Chương trình 135</b>	<b>64.800</b>	<b>64.012</b>	<b>64.800</b>	<b>788</b>				
II.1	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã ATK, các thôn, bản đặc biệt khó khăn	64.800	50.052	13.960	51.206	13.594	1.154	-366	
	<b>Ghi chú</b>		Giao đợt 01	Dự kiến giao đợt 02	Điều chỉnh giao đợt 01	Điều chỉnh giao đợt 02			

\* Theo Quyết định số 556/QĐ-BKHĐT ngày 19/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì kế hoạch vốn năm 2017 của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững không bao gồm 4.000 triệu đồng vốn ĐTPPT còn lại chưa giao cụ thể cho các dự án thành phần.

**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2: CHƯƠNG TRÌNH 135 THUỘC  
CHƯƠNG TRÌNH MỖI GIÀM CHÈO BỀN VỮNG NĂM 2017 (Đợt 2)**  
(Kèm theo Công văn số 140/UBND-KT ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư CSHT (Vốn ĐTPT, Ngân sách TW)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Kế hoạch vốn đã giao đợt 1 tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	Kế hoạch vốn giao đợt 2 tại Quyết định này	
(1)	(2)	(3)	(4)=5+6	(5)	(6)	(7)
	<b>Tổng số</b>	<b>999,50</b>	<b>64.800</b>	<b>51.206</b>	<b>13.594</b>	
1	Huyện Ba Tư	263,90	17.557	12.152	5.405	
2	Huyện Minh Long	98,30	6.185	4.378	1.807	
3	Huyện Sơn Hà	112,00	11.010	4.628	6.382	
4	Huyện Sơn Tây	164,80	8.927	8.927	-	
5	Huyện Tây Trà	173,60	9.833	9.833	-	
6	Huyện Trà Bồng	173,40	8.918	8.918	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	13,50	970	970	-	
8	Huyện Bình Sơn		200	200	-	
9	Huyện Sơn Tịnh		400	400	-	
10	Huyện Nghĩa Hành		800	800	-	
11	Ban Dân tộc tỉnh	-	-	-	-	
12	Sở NN và PTNT	-	-	-	-	

**KẾ HOẠCH VỐN CHI TIẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN 2: CHƯƠNG TRÌNH 135  
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MÔ TẢ M NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2017 (Đợt 2)  
(Kèm theo Công văn số 374/UBND-UBKT ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh)**



Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư CSHT (Vốn ĐTPT, Ngân sách TW)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Kế hoạch vốn đã giao đợt 1 tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	Kế hoạch vốn giao đợt 2 tại Quyết định này	
(1)	(2)	(3)	(4)=5+6	(5)	(6)	(7)
	<b>Tổng số</b>	<b>999,50</b>	<b>64.800</b>	<b>51.206</b>	<b>13.594</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Ba Tơ</b>	<b>263,90</b>	<b>17.557</b>	<b>12.152</b>	<b>5.405</b>	
1	Xã Ba Bích	14,00	891	891	-	
2	Xã Ba Lê	21,10	944	944	-	
3	Xã Ba Xa	28,80	1.180	1.180	-	
4	Xã Ba Dinh	18,50	1.025	-	1.025	
5	Xã Ba Khâm	18,40	1.100	1.100	-	
6	Xã Ba Tô	27,30	1.513	-	1.513	
7	Xã Ba Trang	18,50	1.023	1.023	-	
8	Xã Ba Ngạc	16,10	2.532	865	1.667	
9	Xã Ba Nam	18,90	1.154	1.154	-	
10	Xã Ba Giang	16,80	1.128	1.128	-	
11	Xã Ba Thành	14,10	839	839	-	
12	Xã Ba Vinh	31,30	970	970	-	
13	Xã Ba Động	8,70	685	685	-	
14	Xã Ba Chùa	11,40	773	773	-	
15	Xã Ba Tiêu		200	-	200	
	1. Thôn K rây		200	-	200	
16	Thị trấn Ba Tơ		600	600	-	
	2. TDP Vã Nhân		200	200	-	
	3. TDP Kon Dung		200	200	-	
	4. TDP Uy Nặng		200	200	-	
17	Xã Ba Vì		800	-	800	
	5. Thôn Nước Rò		200	-	200	
	6. Thôn Mang Đen		200	-	200	
	7. Thôn Nước Y Vàng		200	-	200	
	8. Thôn Gò Vành		200	-	200	
18	Xã Ba Liên		200	-	200	
	9. Thôn Hương Chiêng		200	-	200	
<b>II</b>	<b>Huyện Minh Long</b>	<b>98,30</b>	<b>6.185</b>	<b>4.378</b>	<b>1.807</b>	
19	Xã Thanh An	31,90	878	878	-	
20	Xã Long Mai	26,60	839	839	-	
21	Xã Long Sơn	25,40	2.672	865	1.807	
22	Xã Long Môn	14,40	996	996	-	

Stt	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư CSHT (Vốn ĐTPT, Ngân sách TW)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Kế hoạch vốn đã giao đợt 1 tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	Kế hoạch vốn giao đợt 2 tại Quyết định này	
23	Xã Long Hiệp		800	800	-	
	10. Thôn Hà Liệt		200	200	-	
	11. Thôn Thiệp Xuyên		200	200	-	
	12. Thôn Dục Ái		200	200	-	
	13. Thôn Hà Bôi		200	200	-	
<b>III</b>	<b>Huyện Sơn Hà</b>	<b>112,00</b>	<b>11.010</b>	<b>4.628</b>	<b>6.382</b>	
24	Xã Sơn Nham	19,80	957	957	-	
25	Xã Sơn Cao	22,70	996	996	-	
26	Xã Sơn Linh	21,30	1.637	918	719	
27	Xã Sơn Bao	21,80	957	957	-	
28	Xã Sơn Hạ	26,40	1.463	-	1.463	
29	Xã Sơn Thành		600	400	200	
	14. Thôn Hoãn Vây		200	200	-	
	15. Thôn Làng Vệt		200	200	-	
	16. Thôn Hà Thành		200	-	200	
30	Xã Sơn Giang		600	-	600	
	17. Thôn Tà Đình		200	-	200	
	18. Thôn Làng Rê		200	-	200	
	19. Thôn Làng Lùng		200	-	200	
31	Xã Sơn Hải		800	-	800	
	20. Thôn Gò Sim		200	-	200	
	21. Thôn Làng Trắng		200	-	200	
	22. Thôn Tà Mát		200	-	200	
	23. Thôn Làng Lành		200	-	200	
32	Xã Sơn Thù		400	-	400	
	24. Thôn Tà Bi		200	-	200	
	25. Thôn Giá Gói		200	-	200	
33	Xã Sơn Kỳ		800	-	800	
	26. Thôn Bô Nung		200	-	200	
	27. Thôn Làng Trắng		200	-	200	
	28. Thôn Mô Níc		200	-	200	
	29. Thôn Tà Bắc		200	-	200	
34	Xã Sơn Ba		600	-	600	
	30. Thôn Làng Già		200	-	200	
	31. Thôn Làng Chai		200	-	200	
	32. Thôn Gò Da		200	-	200	
35	TT Di Lãng		600	400	200	
	33. TDP Nước Rạc		200	-	200	
	34. TDP Đồi Ráy		200	200		
	35. TDP Nước Nia		200	200		
36	Xã Sơn Thượng		200	-	200	
	36. Thôn Bờ Reo		200	-	200	

Stt	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư CSHT (Vốn ĐTPT, Ngân sách TW)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Kế hoạch vốn đã giao đợt 1 tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	Kế hoạch vốn giao đợt 2 tại Quyết định này	
37	Xã Sơn Trung		400	-	400	
	37. Thôn Làng Lòn		200	-	200	
	38. Thôn Gò Rộc		200	-	200	
<b>IV</b>	<b>Huyện Sơn Tây</b>	<b>164,80</b>	<b>8.927</b>	<b>8.927</b>	-	
38	Xã Sơn Bua	15,80	996	996	-	
39	Xã Sơn Mùa	18,70	970	970	-	
40	Xã Sơn Liên	15,90	1.010	1.010	-	
41	Xã Sơn Dung	20,30	918	918	-	
42	Xã Sơn Long	17,90	996	996	-	
43	Xã Sơn Tân	19,30	905	905	-	
44	Xã Sơn Màu	18,40	1.100	1.100	-	
45	Xã Sơn Tinh	22,20	970	970	-	
46	Xã Sơn Lập	16,30	1.062	1.062	-	
<b>V</b>	<b>Huyện Tây Trà</b>	<b>173,60</b>	<b>9.833</b>	<b>9.833</b>	-	
47	Xã Trà Phong	27,70	1.088	1.088	-	
48	Xã Trà Thọ	20,00	1.023	1.023	-	
49	Xã Trà Xinh	18,30	1.128	1.128	-	
50	Xã Trà Quân	16,30	1.141	1.141	-	
51	Xã Trà Khê	17,30	1.114	1.114	-	
52	Xã Trà Thanh	19,40	1.088	1.088	-	
53	Xã Trà Lãnh	19,40	1.049	1.049	-	
54	Xã Trà Nham	19,40	1.114	1.114	-	
55	Xã Trà Trung	15,80	1.088	1.088	-	
<b>VI</b>	<b>Huyện Trà Bồng</b>	<b>173,40</b>	<b>8.918</b>	<b>8.918</b>	-	
56	Xã Trà Giang	16,30	1.114	1.114	-	
57	Xã Trà Lâm	20,50	1.100	1.100	-	
58	Xã Trà Thù	24,60	1.062	1.062	-	
59	Xã Trà Sơn	34,10	1.114	1.114	-	
60	Xã Trà Tân	22,00	1.075	1.075	-	
61	Xã Trà Bùi	24,10	1.141	1.141	-	
62	Xã Trà Hiệp	18,90	1.100	1.100	-	
63	Xã Trà Phú	12,90	812	812	-	
64	Thị Trấn Trà Xuân		200	200	-	
	39. Tổ dân phố 7		200	200	-	
65	Xã Trà Bình		200	200	-	
	40. Thôn Bình Trung		200	200	-	
<b>VII</b>	<b>Huyện Tư Nghĩa</b>	<b>13,50</b>	<b>970</b>	<b>970</b>	-	
66	Xã Nghĩa Thọ	13,50	970	970	-	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Bình Sơn</b>		<b>200</b>	<b>200</b>	-	
67	Xã Bình An		200	200	-	
	41. Thôn Thọ An		200	200	-	
<b>IX</b>	<b>Huyện Sơn Tịnh</b>		<b>400</b>	<b>400</b>	-	

Stt	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư CSHT (Vốn ĐTPT, Ngân sách TW)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Kế hoạch vốn đã giao đợt 1 tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	Kế hoạch vốn giao đợt 2 tại Quyết định này	
68	Xã Tịnh Đông		400	400	-	
	42. Thôn Tân An		200	200	-	
	43. Thôn Hương Nhuợng Bắc		200	200	-	
<b>X</b>	<b>Huyện Nghĩa Hành</b>		<b>800</b>	<b>800</b>	-	
69	Xã Hành Tín Tây		400	400	-	
	44. Thôn Trũng Kè 2		200	200	-	
	45. Thôn Trũng Kè 1		200	200	-	
70	Xã Hành Tín Đông		400	400	-	
	46. Thôn Khánh Giang		200	200	-	
	47. Thôn Trường Lệ		200	200	-	
<b>XI</b>	<b>Ban Dân tộc tỉnh</b>	-	-	-	-	
<b>XII</b>	<b>Sở NN và PTNT</b>	-	-	-	-	



**GAO KẾ HOẠCH TƯ CÔNG NĂM 2017 (Đợt 2)**  
**DỰ ÁN 2 - CHƯƠNG TRÌNH 135 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH QUẢNG NGÃI**  
 (Kèm theo Công văn số 177/UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành				Tổng mức đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2016	Dự kiến kế hoạch năm trung hạn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2017 (Đợt 2)		Ghi chú		
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW					
					Tổng số	Trong đó: NSTW			Tổng số			Trong đó: NSTW	Tổng số	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số tất cả các nguồn vốn	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>Tổng cộng</b>					900	900	540	540	540	540	20.085	20.085	-	13.594	13.594	360	
<b>Huyện Ba Tơ</b>					-	-	-	-	-	-	6.975	6.975	-	5.405	5.405	-	
I	<b>Xã Ba Đình</b>																
1	Nối tiếp tuyến đường BTXM tổ 1 thôn Đồng Đình	Thôn Đồng Đình	L=170m								200	200		200	200		
2	Nối tiếp BTXM tuyến đường từ tổ 3 đi tổ 4 (nhánh tuyến Nước Tiên đi Ba Chùa)	Thôn Nước Tiên	L=170m								200	200		200	200		
3	BTXM Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Thanh Tạo đi tổ 2 Kà La	Thôn Kà La	L=170m								200	200		200	200		
4	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ QL 24 (Km 38 + 150) đi tổ 2 Kách Lang	Thôn Láng Máng	L=170m								200	200		200	200		
5	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ QL 24 (Km35+850) - Tổ 2 Đồng Xa	Thôn Nước Lang	L=170m								225	225		225	225		
II	<b>Xã Ba Tô</b>										2.000	2.000	-	1.513	1.513	-	
6	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ QL 24 đi tập đoàn Láng Chai (đoạn cầu treo)	Thôn Láng Xi 2	L=2000m								2.000	2.000		1.513	1.513		
III	<b>Xã Ba Ngạc</b>										2.550	2.550	-	1.667	1.667	-	
7	Nối tiếp và nâng cấp tuyến đường bê tông xi măng thôn Ba Láng - thôn Kền	Thôn Ba Láng xã Ba Ngạc	L=800m								1.500	1.500		635	635		Đủ vốn (đã giao đợt 1 năm 2017 là 865 triệu đồng)
8	Bê tông đường nhà ông Ôn - nhà ông A	Xã Ba Ngạc									1.050	1.050		1.032	1.032		
IV	<b>Xã Ba Tiêu</b>										400	400	-	200	200	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Năm 2016		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2016		Dự kiến kế hoạch năm trung hạn 5 năm 2016-2020			Kế hoạch năm 2017 (Dự 2)			Ghi chú	
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2016 được giao		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		
					Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số		Thanh toán nợ XDCB
9	BTXM tuyến đường từ và Ka Nóc đi tổ 4 Gỏi Pa Nu	Thôn KRdy	L=410m							400	400		200	200			
V	Xã Ba Vi				-	-	-	-	-	800	800	-	800	800	-		
10	BTXM tuyến đường Gò Xuyên	Thôn Nước Rò	L=200m							200	200		200	200			
11	BTXM từ suối Nước Đen đi nhà văn hóa thôn Mang Đen	Thôn Mang Đen	L=200m							200	200		200	200			
12	BTXM từ tổ Gỏi Y Vàng đi suối Nước Đen	Thôn Nước Y Vàng	L=200m							200	200		200	200			
13	BTXM từ nhà bà Lịch đến NVH thôn Gò Vành	Thôn Gò Vành	L=200m							200	200		200	200			
VI	Xã Ba Liên				-	-	-	-	-	200	200	-	200	200	-		
14	Nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Hương Chiêng	Thôn Hương Chiêng	80 chỗ ngồi							200	200		200	200			
<b>Huyện Sơn Hạ</b>					900	900	540	540	540	540	10.710	10.710	-	6.382	6.382	360	
I	Xã Sơn Hạ				900	900	540	540	540	540	2.010	2.010	-	1.463	1.463	360	
1	Đường BTXM Xóm Trường - Gò Chè (GDII)	Thôn Tường Ka	181m	357 ngày 24/3/2016	300	300	180	180	180	180	300	300		120	120	120	
2	Đường BTXM Cà Nục - Đèo gió (GDII)	Thôn Đèo Gió	177m	356 ngày 24/3/2016	300	300	180	180	180	180	300	300		120	120	120	
3	Đường BTXM Gò Lầy - Xóm Reng (GDII)	Thôn Đồng Reng		364 ngày 25/3/2016	300	300	180	180	180	180	300	300		120	120	120	
4	Đường BTXM BTXM Tả Gai- Suối cầu GD II	Trường Ka									500	500		500	500		
5	Đường BTXM Cây Đa- nhà ông Tua	Thôn Đồng Reng									300	300		300	300		
6	Đường BTXM Sân bóng- nhà ông Bê	Thôn Đèo Gió									310	310		303	303		
<b>Xã Sơn Linh</b>					-	-	-	-	-	-	1.000	1.000	-	719	719	-	
7	Đập suối Tiên thôn Ka La	Sơn Linh									1.000	1.000		719	719	Đủ vốn (đã giao đợt 1 năm 2017 là 281 triệu đồng)	
II	Xã Sơn Thành				-	-	-	-	-	-	400	400	-	200	200	-	
8	Đường BTXM ruộng viên - Gò Lầy	Thôn Hà Thành									400	400		200	200		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Năm 2016		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2016		Dự kiến kế hoạch năm trung hạn 5 năm 2016-2020			Kế hoạch năm 2017 (Đợt 2)		Ghi chú		
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2016 được giao		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng số tất cả các nguồn vốn		Trong đó: NSTW	
					Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thanh toán nợ XDCB
III	Xã Sơn Giang																
9	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường Tà Cơm (từ nhà Đỉnh Rinh - Đỉnh Ôt)	Thôn Tà Đỉnh															
10	Nâng cấp sửa chữa nhà sinh cộng đồng thôn Làng Rê	Thôn Làng Rê															
11	Nối tiếp kênh mương đắp dâng Ka La qua cánh đồng Hà Cúc	Thôn Làng Lùng															
IV	Xã Sơn Hải																
12	Đường BTXM từ nhà ông Trần Văn Thường - Công nhà ông Đỉnh Văn Lành	Thôn Gò Sim															
13	Nhà văn hóa thôn Làng Trắng	Thôn Làng Trắng	100 m2													Vốn khác 100 triệu đồng	
14	Đường BTXM từ Quốc lộ 24B - thôn Tà Mát (Nối tiếp)	Thôn Tà Mát															
15	Đường BTXM Làng Lành - Làng Rá	Thôn Làng Lành														Vốn khác 100 triệu	
V	Xã Sơn Thủy																
16	Đường Sơn Cao - Sơn Kỳ đến xóm ông Tốp	Thôn Tà Bi															
17	Đập Suối Kà Rát	Thôn Giá Gói															
VI	Xã Sơn Kỳ																
18	Đường BTXM Làng Rếch (nối tiếp)	Thôn Bò Nung															
19	Đường BTXM Bờ La (nối tiếp)	Thôn Làng Trắng														Vốn khác 100 triệu	
20	Bê tông XM đường giao thông nông thôn thôn Mỏ Níc	Thôn Mỏ Níc															
21	Nhà sinh hoạt cộng đồng	Thôn Tà Bắc														Vốn khác 200 triệu	
VII	Xã Sơn Ba																
22	Đường BTXM thôn Làng Già	Thôn Làng Già															
23	Đường BTXM thôn Làng Già-Làng Chai (nối tiếp)	Thôn Làng Chai															
24	Cấp phối đoạn đường từ Gò Da - Mỏ O	Thôn Gò Da															
VIII	TT Di Lăng																

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Năm 2016		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2016		Dự kiến kế hoạch năm trung hạn 5 năm 2016-2020			Kế hoạch năm 2017 (Đợt 2)			Ghi chú	
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2016 được giao		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		
					Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số		Thanh toán nợ XDCB
25	Đường BTXM vào nhà Ông Bôn (GD I)	TDP Nước Rạc								300	300		200	200			
IX	Xã Sơn Thượng									500	500	-	200	200	-		
26	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Bờ Reo	Thôn Bờ Reo	Nhà cấp IV							500	500		200	200		Vốn khác 100 triệu	
X	Xã Sơn Trung									600	600	-	400	400	-		
27	Nối tiếp kênh bờ nam công trình đập dâng Rlôn	Thôn Làng Lớn	300m							400	400		200	200			
28	BTXM nối dài xóm Gò Rộc	Thôn Gò Rộc	200m							200	200		200	200			
<b>Huyện Minh Long</b>										<b>2.400</b>	<b>2.400</b>	<b>-</b>	<b>1.807</b>	<b>1.807</b>	<b>-</b>		
I	Xã Long Sơn									2.400	2.400	-	1.807	1.807	-		
1	Nâng cấp kênh mương nội đồng Xã Hoàn Hạ	Gò Chè - Long Sơn	1.000 m							1.200	1.200		607	607		Đủ vốn (đã giao đợt 1 năm 2017 là 593 triệu đồng)	
2	Nối dài kênh mương Biều Qua - Hồ Nghệ	Long Sơn	800							1.200	1.200		1.200	1.200			

## Phụ lục 3

**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN 2-CHƯƠNG TRÌNH 135  
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG  
TỈNH 2017**

(Kèm theo Công văn số 370/UBND-KT ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tổng vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 2	Tiểu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng công trình	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	Trong đó		Tiểu dự án 3 - Đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở	Ghi chú
						Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Nhân rộng mô hình giảm nghèo		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(9)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Tổng số</b>	<b>999,5</b>	<b>22.348</b>	<b>3.928</b>	<b>16.828</b>	<b>16.228</b>	<b>600</b>	<b>1.592</b>	
1	Huyện Ba Tơ	263,9	5.154	1.038	4.116	4.116	-	-	
2	Huyện Minh Long	98,3	1.951	386	1.565	1.565	-	-	
3	Huyện Sơn Hà	112,0	3.246	440	2.806	2.806	-	-	
4	Huyện Sơn Tây	164,8	2.936	648	2.288	2.288	-	-	
5	Huyện Tây Trà	173,6	3.091	682	2.409	2.409	-	-	
6	Huyện Trà Bồng	173,4	3.188	681	2.507	2.507	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	13,5	240	53	187	187	-	-	
8	Huyện Bình Sơn		50	-	50	50		-	
9	Huyện Sơn Tịnh		100	-	100	100		-	
10	Huyện Nghĩa Hành		200	-	200	200		-	
11	Ban Dân tộc tỉnh	-	1.592	-	-	-		1.592	
12	Sở NN và PTNT	-	600	-	600	-	600	-	

\* Ghi chú: Kế hoạch vốn chi tiết phân bổ cho các xã ĐBKK, xã an toàn khu và thôn đặc biệt khó khăn tại Phụ lục số 2

## Phụ lục 4

**KẾ HOẠCH VỐN CHI TIẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN 2: CHƯƠNG TRÌNH 135  
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG  
NĂM 2017**

(Kèm theo Công văn số 470/UBND-KT ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tổng vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 2	Tiểu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng công trình	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	Trong đó		Tiểu dự án 3 - Đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ	Ghi chú
						Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Nhân rộng mô hình giảm nghèo		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(9)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Tổng số</b>	<b>999,5</b>	<b>22.348</b>	<b>3.928</b>	<b>16.828</b>	<b>16.228</b>	<b>600</b>	<b>1.592</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Ba Tư</b>	<b>263,9</b>	<b>5.154</b>	<b>1.038</b>	<b>4.116</b>	<b>4.116</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xã Ba Bích	14,0	194		194	194			
2	Xã Ba Lễ	21,1	293		293	293			
3	Xã Ba Xa	28,8	400		400	400			
4	Xã Ba Dinh	18,5	257		257	257			
5	Xã Ba Khâm	18,4	255		255	255			
6	Xã Ba Tô	27,3	379		379	379			
7	Xã Ba Trang	18,5	257		257	257			
8	Xã Ba Ngạc	16,1	224		224	224			
9	Xã Ba Nam	18,9	262		262	262			
10	Xã Ba Giang	16,8	233		233	233			
11	Xã Ba Thành	14,1	196		196	196			
12	Xã Ba Vinh	31,3	435		435	435			
13	Xã Ba Động	8,7	121		121	121			
14	Xã Ba Chùa	11,4	160		160	160			
15	Xã Ba Tiêu		50	-	50	50		-	
	1. Thôn K rây		50		50	50			
16	Thị trấn Ba Tư		150	-	150	150		-	
	2. TDP Vã Nhãn		50		50	50			
	3. TDP Kon Dung		50		50	50			
	4. TDP Uy Năng		50		50	50			
17	Xã Ba Vì		200	-	200	200		-	
	5. Thôn Nước Rò		50		50	50			
	6. Thôn Mang Đen		50		50	50			
	7. Thôn Nước Y Vang		50		50	50			
	8. Thôn Gò Vành		50		50	50			
18	Xã Ba Liên		50	-	50	50		-	
	9. Thôn Hương Chiêng		50		50	50			
<b>II</b>	<b>Huyện Minh Long</b>	<b>98,3</b>	<b>1.951</b>	<b>386</b>	<b>1.565</b>	<b>1.565</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
19	Xã Thanh An	31,9	443		443	443			
20	Xã Long Mai	26,6	369		369	369	-		
21	Xã Long Sơn	25,4	353		353	353	-		
22	Xã Long Môn	14,4	200		200	200	-		

STT	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tổng vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 2	Tiểu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng công trình	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	Trong đó		Tiểu dự án 3 - Đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ	Ghi chú
						Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Nhân rộng mô hình giảm nghèo		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(9)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Tổng số</b>	<b>999,5</b>	<b>22.348</b>	<b>3.928</b>	<b>16.828</b>	<b>16.228</b>	<b>600</b>	<b>1.592</b>	
23	Xã Long Hiệp		200	-	200	200		-	
	10. Thôn Hà Liệt		50		50	50			
	11. Thôn Thiệp Xuyên		50		50	50			
	12. Thôn Dục Ái		50		50	50			
	13. Thôn Hà Bôi		50		50	50			
<b>III</b>	<b>Huyện Sơn Hà</b>	<b>112,0</b>	<b>3.246</b>	<b>440</b>	<b>2.806</b>	<b>2.806</b>	-	-	
24	Xã Sơn Nham	19,8	275		275	275	-		
25	Xã Sơn Cao	22,7	315		315	315	-		
26	Xã Sơn Linh	21,3	296		296	296	-		
27	Xã Sơn Bao	21,8	303		303	303	-		
28	Xã Sơn Hạ	26,4	367		367	367	-		
29	Xã Sơn Thành		150	-	150	150		-	
	14. Thôn Hoãn Vây		50		50	50			
	15. Thôn Làng Vệt		50		50	50			
	16. Thôn Hà Thành		50		50	50			
30	Xã Sơn Giang		150	-	150	150		-	
	17. Thôn Tà Đình		50		50	50			
	18. Thôn Làng Ré		50		50	50			
	19. Thôn Làng Lùng		50		50	50			
31	Xã Sơn Hải		200	-	200	200		-	
	20. Thôn Gò Sim		50		50	50			
	21. Thôn Làng Trắng		50		50	50			
	22. Thôn Tà Mát		50		50	50			
	23. Thôn Làng Lành		50		50	50			
32	Xã Sơn Thủy		100	-	100	100		-	
	24. Thôn Tà Bi		50		50	50			
	25. Thôn Giá Gỏi		50		50	50			
33	Xã Sơn Kỳ		200	-	200	200		-	
	26. Thôn Bỏ Nung		50		50	50			
	27. Thôn Làng Trắng		50		50	50			
	28. Thôn Mô Níc		50		50	50			
	29. Thôn Tà Bắc		50		50	50			
34	Xã Sơn Ba		150	-	150	150		-	
	30. Thôn Làng Già		50		50	50			
	31. Thôn Làng Chai		50		50	50			
	32. Thôn Gò Da		50		50	50			
35	TT Di Lăng		150	-	150	150		-	
	33. TDP Nước Rạc		50		50	50			

STT	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tổng vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 2	Tiểu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng công trình	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	Trong đó		Tiểu dự án 3 - Đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ	Ghi chú
						Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Nhân rộng mô hình giảm nghèo		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(9)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Tổng số</b>	<b>999,5</b>	<b>22.348</b>	<b>3.928</b>	<b>16.828</b>	<b>16.228</b>	<b>600</b>	<b>1.592</b>	
	34. TDP Đồi Ráy		50		50	50			
	35. TDP Nước Nia		50		50	50			
36	Xã Sơn Thượng		50	-	50	50		-	
	36. Thôn Bờ Reo		50		50	50			
37	Xã Sơn Trung		100	-	100	100		-	
	37. Thôn Làng Lòn		50		50	50			
	38. Thôn Gò Rộc		50		50	50			
<b>IV</b>	<b>Huyện Sơn Tây</b>	<b>164,8</b>	<b>2.936</b>	<b>648</b>	<b>2.288</b>	<b>2.288</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
38	Xã Sơn Bua	15,8	219		219	219	-		
39	Xã Sơn Mùa	18,7	260		260	260	-		
40	Xã Sơn Liên	15,9	221		221	221	-		
41	Xã Sơn Dung	20,3	282		282	282	-		
42	Xã Sơn Long	17,9	249		249	249	-		
43	Xã Sơn Tân	19,3	268		268	268	-		
44	Xã Sơn Màu	18,4	255		255	255	-		
45	Xã Sơn Tinh	22,2	308		308	308	-		
46	Xã Sơn Lập	16,3	226		226	226	-		
<b>V</b>	<b>Huyện Tây Trà</b>	<b>173,6</b>	<b>3.091</b>	<b>682</b>	<b>2.409</b>	<b>2.409</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
47	Xã Trà Phong	27,7	385		385	385	-		
48	Xã Trà Thọ	20,0	278		278	278	-		
49	Xã Trà Xinh	18,3	254		254	254	-		
50	Xã Trà Quân	16,3	226		226	226	-		
51	Xã Trà Khê	17,3	240		240	240	-		
52	Xã Trà Thanh	19,4	269		269	269	-		
53	Xã Trà Lãnh	19,4	269		269	269	-		
54	Xã Trà Nham	19,4	269		269	269	-		
55	Xã Trà Trung	15,8	219		219	219	-		
<b>VI</b>	<b>Huyện Trà Bồng</b>	<b>173,4</b>	<b>3.188</b>	<b>681</b>	<b>2.507</b>	<b>2.507</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
56	Xã Trà Giang	16,3	226		226	226	-		
57	Xã Trà Lâm	20,5	285		285	285	-		
58	Xã Trà Thủy	24,6	342		342	342	-		
59	Xã Trà Sơn	34,1	473		473	473	-		
60	Xã Trà Tân	22,0	305		305	305	-		
61	Xã Trà Bùi	24,1	335		335	335	-		
62	Xã Trà Hiệp	18,9	262		262	262	-		
63	Xã Trà Phú	12,9	179		179	179	-		
64	Thị Trấn Trà Xuân		50	-	50	50		-	
	39. Tổ dân phố 7		50		50	50			
65	Xã Trà Bình		50	-	50	50		-	
	40. Thôn Bình Trung		50		50	50			
<b>VII</b>	<b>Huyện Tư Nghĩa</b>	<b>13,5</b>	<b>240</b>	<b>53</b>	<b>187</b>	<b>187</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	



STT	Tên huyện/xã	Tổng hệ số của xã	Tổng vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 2	Tiểu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng công trình	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	Trong đó		Tiểu dự án 3 - Đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ	Ghi chú
						Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Nhân rộng mô hình giảm nghèo		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(9)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Tổng số</b>	<b>999,5</b>	<b>22.348</b>	<b>3.928</b>	<b>16.828</b>	<b>16.228</b>	<b>600</b>	<b>1.592</b>	
66	Xã Nghĩa Thọ	13,5	187	-	187	187	-	-	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Bình Sơn</b>		<b>50</b>	<b>-</b>	<b>50</b>	<b>50</b>		<b>-</b>	
67	Xã Bình An		50	-	50	50		-	
	41. Thôn Thọ An		50		50	50			
<b>IX</b>	<b>Huyện Sơn Tịnh</b>		<b>100</b>	<b>-</b>	<b>100</b>	<b>100</b>		<b>-</b>	
68	Xã Tịnh Đông		100	-	100	100		-	
	42. Thôn Tân An		50		50	50			
	43. Thôn Hương Nhượng Bắc		50		50	50			
<b>X</b>	<b>Huyện Nghĩa Hành</b>		<b>200</b>	<b>-</b>	<b>200</b>	<b>200</b>		<b>-</b>	
69	Xã Hành Tín Tây		100	-	100	100		-	
	44. Thôn Trùng Kè 2		50		50	50			
	45. Thôn Trùng Kè 1		50		50	50			
70	Xã Hành Tín Đông		100	-	100	100		-	
	46. Thôn Khánh Giang		50		50	50			
	47. Thôn Trường Lệ		50		50	50			
<b>XI</b>	<b>Ban Dân tộc tỉnh</b>	<b>-</b>	<b>1.592</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>1.592</b>	
<b>XII</b>	<b>Sở NN và PTNT</b>	<b>-</b>	<b>600</b>	<b>-</b>	<b>600</b>	<b>-</b>	<b>600</b>	<b>-</b>	

\* Ghi chú: Yêu cầu tiêu chí áp dụng đối với công trình duy tu bảo dưỡng

- Công trình đã hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2013 trở về trước, đã có phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình (trừ trường hợp đặc biệt có thể lựa chọn một số công trình hoàn thành trong năm 2014 cần duy tu bảo dưỡng nhưng phải giải trình cụ thể lý do).

- Đối với các công trình duy tu bảo dưỡng không được thay đổi quy mô theo quyết định phê duyệt ban đầu. Do vậy, các công trình đề nghị nâng cấp, mở rộng sẽ không được xem xét, phân bổ kinh phí.

- Danh mục công trình đề nghị duy tu bảo dưỡng phải đầy đủ các nội dung về quyết định đầu tư, tổng mức đầu tư, quy mô đầu tư...